

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN BÌNH THỦY
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

Bản án số: 67/2022/DS-ST

Ngày: 16-8-2022

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH THỦY, THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* **Bà Lê Thị Thùy Hương;**
- *Các Hội thẩm nhân dân:* **Ông Lương Công Tiên;**
Ông Nguyễn Việt Thành;
- *Thư ký phiên tòa:* **Bà Thạch Thị Thi** – Thư ký Tòa án nhân dân quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa: **Ông Trần Tấn Bửu** – Kiểm sát viên.

Trong ngày 16 tháng 8 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 70/2022/TLST-DS ngày 01 tháng 4 năm 2022 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 397/2022/QĐXX-ST ngày 29 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1984; Địa chỉ: phường N, quận B, thành phố Cần Thơ.

* Bị đơn: Ông Phạm Văn Tới E, sinh năm 1967; Địa chỉ thường trú phường L, quận B, thành phố Cần Thơ; Địa chỉ hiện tại: phường T, quận B, thành phố Cần Thơ.

Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 24/02/2022, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa cho nguyên đơn trình bày:

Ngày 27/8/2020 ông E có hỏi ông H vay 300.000.000 đồng trong thời hạn 07 ngày sẽ trả vốn và lãi. Tuy nhiên, ông H không có tiền nên ông E nhờ ông H hỏi bên

ngoài cho ông E vay với lãi suất bao nhiêu cũng được. Mục đích vay tiền là để thực hiện giao dịch chuyển nhượng quyền sử dụng đất với người khác vào tháng 9/2020, khi nào ông E nhận được tiền cọc chuyển nhượng đất thì sẽ trả cho ông H 300.000.000 đồng, tiền lãi và tiền công 200.000.000 đồng.

Ngày 28/8/2020 ông H thông báo cho ông E đã có tiền 300.000.000 đồng và tiền lãi là 10.500.000 đồng/07 ngày và ông E đồng ý. Sau đó ông H đã đưa cho ông E số tiền 300.000.000 đồng. Cùng ngày ông E có dẫn ông H về nhà để nói phương án trả nợ cho ông H và có hỏi vay thêm số tiền 100.000.000 đồng để trả nợ và hứa sẽ trả cho ông H 300.000.000 đồng vay trước, 100.000.000 đồng vay sau, tiền lãi và tiền công cho thêm 300.000.000 đồng là 500.000.000 đồng để trả dứt điểm chiếc xe ô tô ông H đang mua trả góp. Tuy nhiên ông H chỉ có 70.000.000 đồng và ông E đồng ý vay. Đến khoảng 13 giờ ngày 28/8/2020 ông H đã đưa tiếp cho ông E 70.000.000 đồng. Ông E có viết Biên nhận nhận số tiền 370.000.000 đồng nêu trên. Khi đến hạn trả nợ ông E không trả và hứa hẹn nhiều lần. Đến nay đã hơn 02 năm nay ông E vẫn không trả nợ cho ông H. Nay ông H yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

Yêu cầu ông E trả nợ tổng cộng 836.220.000 đồng bao gồm: Tiền gốc 370.000.000 đồng; Tiền lãi từ ngày 28/8/2020 đến ngày 24/02/2022 là 17 tháng 24 ngày \times 370.000.000 đồng \times 7%/tháng = 461.020.000 đồng; Số tiền trích lục các tài liệu đất đai ở Sở Tài nguyên và môi trường thành phố Cần Thơ 5.200.000 đồng; Tiền lãi phát sinh từ ngày 25/02/2022 đến ngày Tòa án ra bản án.

Tại phiên tòa, ông H thay đổi yêu cầu khởi kiện như sau: Yêu cầu ông E trả tiền gốc 370.000.000 đồng và tiền lãi theo mức lãi suất 10%/năm (Tương đương 0.83%/tháng) trên số tiền 370.000.000 đồng kể từ ngày 09/8/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm là 370.000.000 đồng \times 0.83%/tháng \times (12 tháng 07 ngày) = 37.568.567 đồng, tính tròn 37.568.000 đồng. Rút yêu cầu khởi kiện đối với số tiền trích lục các tài liệu đất đai 5.200.000 đồng.

Đối với bị đơn thì Tòa án triệu tập nhiều lần để tham gia phiên họp về việc kiểm tra giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bị đơn không đến. Do đó Tòa án tiến hành đưa vụ án ra xét xử theo quy định.

2. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thủy phát biểu quan điểm: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng được thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về hướng giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông E trả tiền gốc 370.000.000 đồng và tiền lãi 37.568.000 đồng theo

yêu cầu của nguyên đơn. Nguyên đơn yêu cầu rút yêu cầu khởi kiện số tiền trích lục tài liệu đất đai 5.200.000 đồng, đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn khởi kiện bị đơn trả tiền gốc và lãi đã vay nên xác định quan hệ tranh chấp là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo quy định tại Khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn cư trú tại số phường T quận B, thành phố Cần Thơ nên theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 35 và Điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ.

Đối với bị đơn: Tòa án đã triệu tập xét xử lần thứ hai nH bị đơn vẫn vắng mặt. Căn cứ vào Điều 227, Điều 228 Tòa án tiến hành phiên tòa xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định.

Tại phiên tòa, nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện như sau: Yêu cầu bị đơn trả tiền gốc 370.000.000 đồng và tiền lãi 0.83%/tháng tính từ ngày 09/8/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm là 37.568.000 đồng, tổng cộng tiền gốc và lãi là 407.568.000 đồng. Việc nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện ban đầu nên Hội đồng xét xử chấp nhận việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Nguyên đơn rút yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 5.200.000 đồng, đây là sự tự nguyện và quyền tự định đoạt của đương sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu này của nguyên đơn theo Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Theo Biên nhận ngày 28/8/2020 và Tờ cam kết ngày 07/7/2021 ghi nhận: Ông Phạm Văn Tới E có nợ của ông Nguyễn Văn H số tiền 370.000.000 đồng. Ngày ông E nhận tiền là ngày 28/8/2020, ngày ông E cam kết trả nợ cho ông H là ngày 08/8/2021. Trong Biên nhận và Tờ cam kết nêu trên không ghi nhận việc hai bên thỏa thuận lãi suất vay tiền và có chữ ký xác nhận của ông Phạm Văn Tới E. Bị đơn có quyền phản hồi ý kiến, phản tố và cung cấp tài liệu chứng cứ chứng minh đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tuy nhiên bị đơn cố tình vắng mặt nên xE như bị đơn tự mình bỏ đi quyền lợi được chứng minh. Do đó, Biên nhận và Tờ cam kết nêu trên là chứng cứ duy nhất có giá trị pháp lý. Đến

thời hạn trả nợ mà bị đơn không trả số tiền 370.000.000 đồng đã vay của nguyên đơn là vi phạm nghĩa vụ trả nợ, căn cứ quy định tại Điều 357; Khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015 nguyên đơn khởi kiện yêu cầu buộc bị đơn trả tiền gốc 370.000.000 đồng và tiền lãi chậm trả là có cơ sở chấp nhận.

Căn cứ vào Biên nhận ngày 28/8/2020 và Tờ cam kết ngày 07/7/2021 thì các bên có thỏa thuận thời hạn trả nợ NH không thỏa thuận lãi suất vay. Nên xác định đây là hợp đồng vay có kỳ hạn và không có lãi theo quy định tại Khoản 1 Điều 470 của Bộ luật dân sự năm 2015. Căn cứ quy định Khoản 4 Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015 và Khoản 1 Điều 5 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao quy định: *Hợp đồng vay không có lãi mà khi đến hạn bên vay không trả nợ thì theo yêu cầu của bên cho vay, Tòa án xác định bên vay phải trả tiền lãi trên nợ gốc quá hạn theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 trên số tiền chậm trả tại thời điểm trả nợ tương ứng với thời gian chậm trả nợ gốc.* Như vậy, tại phiên tòa nguyên đơn yêu cầu buộc bị đơn trả tiền lãi chậm trả theo mức lãi suất 10%/năm (Tương đương 0.83%/tháng) trên số tiền chậm trả 370.000.000 đồng tính từ ngày 09/8/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm với số tiền 37.568.000 đồng là phù hợp, đúng quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Do đó tổng tiền gốc và lãi mà bị đơn có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn là 370.000.000 đồng + 37.568.000 đồng = 407.568.000 đồng.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Khoản 4 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị đơn phải chịu án phí dân sự đối với toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận.

Nguyên đơn được nhận lại tiền tạm án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Khoản 3 Điều 26; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 244 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Điều 357; Điều 463; Điều 466; Điều 468 và Khoản 1 Điều 470 của Bộ luật dân sự 2015;

Khoản 1 Điều 5 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

Khoản 4 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn H đối với bị đơn ông Phạm Văn Tới E về yêu cầu trả tiền gốc 370.000.000 đồng và tiền lãi 37.568.000 đồng.

Ông Phạm Văn Tới E có trách nhiệm trả cho ông Nguyễn Văn H tổng tiền gốc và lãi là 407.568.000 đồng (*Bốn trăm lẻ bảy triệu năm trăm sáu mươi tám nghìn đồng*), trong đó tiền gốc 370.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 09/8/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm 37.568.000 đồng.

Kể từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật (Đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (Đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Đình chỉ xét xử phần yêu cầu đối với số tiền trích lục tài liệu đất đai 5.200.000 đồng (*Năm triệu hai trăm nghìn đồng*) mà nguyên đơn đã rút.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 20.302.720 đồng (*Hai mươi triệu ba trăm lẻ hai nghìn bảy trăm hai mươi đồng*) nộp tại Chi cục thi hành án dân sự quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ.

Nguyên đơn được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp 18.491.070 đồng (*Mười tám triệu bốn trăm chín mươi mốt nghìn không trăm bảy mươi đồng*) theo Biên lai thu số 0002414 ngày 24/3/2022 của Chi cục thi hành án dân sự quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

*Nơi nhận:

- Viện kiểm sát ND quận Bình Thủy;
- Chi cục THA DS quận Bình Thủy;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Thùy Hương